

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

Án số: 05/2022/DSST

Ngày 18/4/2022

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoàn

Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Đỗ Đức Hùng.

2- Ông Ngô Xuân Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn.

Đại diện VKSND thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06A/2022/QĐXXST-DS ngày 18/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980. (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Ông Dương Văn K, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng HKTT: khu phố Đ, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Bà L, ông Khánh ủy quyền cho chị Dương Thị T, sinh năm 1990; HKTT: khu phố Th, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đại diện. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án nguyên đơn là anh D trình bày: Do có quen biết với bà Lê Thị L ở khu phố Đại Đình, phường Đồng Kỵ nên anh có cho bà L vay tiền, cụ thể: ngày 23/8/2017 âm lịch tức ngày 12/10/2017 dương lịch, anh cho bà L vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 30/8/2017 âm lịch, lãi suất 2%/tháng. Bà L là người trực tiếp nhận tiền và ký giấy vay nợ với anh.

Đến hạn thanh toán, bà L không trả tiền gốc, lãi theo thỏa thuận mà khất lần xin trả dần. Do là người cùng làng nên anh cũng đồng ý để bà L thu xếp trả nợ.

Nhưng đến nay, bà L vẫn chưa thanh toán trả anh tiền gốc, lãi nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả anh số nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính theo lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử. Anh không yêu cầu ông Khánh phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà L.

Phía bị đơn do chị T đại diện trình bày:

Bà L xác nhận có ký giấy vay nợ 100.000.000đ của anh D vào ngày 23/8/2017 âm lịch với thời hạn vay, lãi suất như anh D trình bày là đúng. Bà L là người trực tiếp đến hỏi vay, nhận tiền để lo việc cá nhân. Sau khi vay tiền, bà L đã trả anh D tiền lãi theo thỏa thuận đến khoảng tháng 4/2020 nhưng khi trả lãi, bà L không yêu cầu anh D ký nhận gì nên không có tài liệu, chứng cứ về việc trả lãi. Bà L đồng ý trả anh D số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và không đồng ý trả lãi.

Ông Khánh là chồng bà L không có liên quan gì đến khoản nợ này nên không đồng ý trả nợ cho anh D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật; của phía bị đơn là chưa đúng quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

Buộc bà Lê Thị L phải trả anh Nguyễn Văn D số tiền 190.333.300đ gồm 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 90.333.300đ tiền lãi.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông Khánh có HKTT tại khu phố Đại Đình, phường Đồng Ky, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của hợp đồng vay tiền đã ký kết giữa hai bên ngày 23/8/2017 âm lịch. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Phía bị đơn là bà L, ông Khánh cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

{2} Về nội dung:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa anh D với bà L được thể hiện tại giấy vay nợ ngày 23/8/2017 âm lịch tức ngày 12/10/2017 dương lịch, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 23/8/2017 âm lịch, anh D có cho bà L vay 100.000.000đ được thể hiện tại giấy vay nợ có chữ ký của bên vay là bà L lập ngày 23/8/2017 âm lịch. Các bên khi tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Các đương sự đều thừa nhận khi vay tiền chỉ có một mình bà L đến vay, nhận tiền và ký giấy vay nợ; thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 30/8/2017 âm lịch, lãi suất là 2%/tháng. Ông Khánh không liên quan đến việc vay nợ giữa bà L với anh D; anh D cũng không yêu cầu ông Khánh phải trả nợ cùng bà L cho anh nên xác định chỉ một mình bà L có nghĩa vụ trả nợ cho anh D.

Bà L trình bày sau khi vay tiền đã trả lãi cho anh D theo lãi suất thỏa thuận đến khoảng tháng 4/2020 nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì về việc trả lãi. Phía

anh D không thừa nhận bà L đã trả lãi như bà L trình bày nên không có căn cứ để xác nhận bà L đã trả lãi cho anh D đến tháng 4/2020. Bà L không đồng ý trả lãi cho anh D là không có căn cứ do trong giấy vay nợ có thỏa thuận về việc trả lãi nên yêu cầu khởi kiện của anh D yêu cầu bà L phải trả số nợ gốc 100.000.000đ cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận.

Trong giấy vay nợ ngày 23/8/2017 âm lịch hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng tức 24%/năm vượt quá mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Từ ngày vay 23/8/2017 âm lịch tức ngày 12/10/2017 dương lịch đến ngày 18/4/2022, tiền lãi là: 100.000.000đ x 20%/năm x 04 năm 06 tháng 06 ngày = 90.333.300đ

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 190.333.300đ.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

Buộc bà Lê Thị L phải trả anh Nguyễn Văn D số tiền 190.333.300đ (Một trăm chín mươi triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng) gồm 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 90.333.300đ (chín mươi triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng) tiền lãi.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trên hợp bản, quy định về thi hành theo quy định tại §102 Luật thi hành, n dôn sù th× ng-êi về thi hành, n dôn sù, ng-êi phải thi hành, n dôn sù cả quy định thu về thi hành, n, quy định yêu cầu thi hành, n, từ nguyên thi hành, n hoặc bở c-ìng chỗ thi hành, n theo quy định tại c,c §106, 7 và 9 Luật thi hành, n dôn sù và mục 4, 5 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành, n dôn sù về thúc hạn theo quy định tại §103 Luật Thi hành, n dôn sù.

2- Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 9.516.700 đồng (Chín triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0003318 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh, thành phố Từ Sơn
- Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP

T/M ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn

